

THE ACTIVITIES OF PROTECTING THE MARITIME AND ISLAND SOVEREIGNTY OF NAM KY DURING THE REIGN OF EMPEROR MINH MANG (1820 - 1841)

Nguyen Hoang Minh, Hoang Quoc Viet*

HCMUE – Ho Chi Minh City University of Education

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	10/4/2025	Sovereignty protection activities in the southern seas under Emperor Minh Mang (1820 – 1841) played a crucial role in ensuring maritime security and the sovereignty over the seas and islands of Nam Ky. This article analyzes factors related to the strategic position of the Nam Ky region and the Southeast Asian context influencing the policies on protecting sovereignty over the Nam Ky seas and islands, and to clarify the Nguyen dynasty's contributions to this process during the reign of Emperor Minh Mang. Through historical and logical methods combined with the analysis of archival sources, the research results shed light on the following issues: (1) The impact of the strategic position of the seas and islands of Nam Ky and the regional context in the first half of the 19th century on the organization of sovereignty protection in the southern seas of Dai Nam; (2) Sovereignty protection activities were carried out regularly and strictly regulated through the command of Emperor Minh Mang. This article contributes to documenting the sovereignty protection by previous generations and to enhancing the positive values in current efforts to build and protect Vietnam's maritime and island sovereignty.
Revised:	25/6/2025	
Published:	25/6/2025	

KEYWORDS

Sovereignty protection
Nam Ky seas and islands
Dai Nam
Emperor Minh Mang
Nguyen dynasty

HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO NAM KỲ DƯỚI THỜI VUA MINH MẠNG (1820 - 1841)

Nguyễn Hoàng Minh, Hoàng Quốc Việt*

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	10/4/2025	Những hoạt động bảo vệ chủ quyền biển, đảo ở vùng biển phía Nam của vua Minh Mạng (1820 – 1841) đã góp phần quan trọng vào việc đảm bảo an ninh hàng hải và chủ quyền biển, đảo Nam Kỳ. Mục đích của bài báo này là phân tích các nhân tố về vị trí chiến lược của vùng đất Nam Kỳ, bối cảnh Đông Nam Á đã tác động đến chính sách bảo vệ chủ quyền biển, đảo Nam Kỳ và tiếp tục làm rõ những đóng góp của triều Nguyễn trong hoạt động bảo vệ chủ quyền biển, đảo Nam Kỳ dưới thời vua Minh Mạng. Thông qua việc sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic kết hợp phân tích các nguồn tài liệu lưu trữ, kết quả nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề sau: (1) sự tác động từ vị trí chiến lược của biển, đảo Nam Kỳ và bối cảnh khu vực trong nửa đầu thế kỷ XIX đến việc tổ chức bảo vệ chủ quyền biển, đảo Nam Kỳ của Đại Nam; (2) các hoạt động bảo vệ chủ quyền diễn ra thường xuyên và được quy định nghiêm ngặt thông qua các chỉ dụ của vua Minh Mạng. Kết quả nghiên cứu của bài báo góp phần ghi nhận lại quá trình bảo vệ chủ quyền của các bậc tiền nhân, phát huy giá trị tích cực trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam hiện nay.
Ngày hoàn thiện:	25/6/2025	
Ngày đăng:	25/6/2025	

TỪ KHÓA

Bảo vệ chủ quyền
Biển, đảo Nam Kỳ
Đại Nam
Vua Minh Mạng
Triều Nguyễn

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.12540>

* Corresponding author. Email: hoangquocviet@hcmue.com

1. Giới thiệu

Với vị trí chiến lược về kinh tế và quốc phòng của biển, đảo Nam Kỳ cùng với tình hình biến động trong khu vực Đông Nam Á nên ngay khi vua Minh Mạng lên ngôi, đã tiến hành nhiều hoạt động để bảo vệ chủ quyền tại vùng biển này. Do vậy, vấn đề này được sự quan tâm của nhiều học giả nghiên cứu trong nước với nhiều mức độ khác nhau. Trong đó, các công trình của tác giả Đỗ Bang [1], [2], Nguyễn Tất Thắng và Nguyễn Quốc Thệ [3] cùng với Đinh Thị Hải Đường [4] đều trình bày cụ thể những hoạt động xác lập, quản lý và bảo vệ chủ quyền biển đảo dưới triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX. Tác giả Lê Thị Hoài Thanh [5] đi sâu phân tích các hoạt động bảo vệ và thực thi chủ quyền biển đảo dưới triều vua Minh Mạng (1820 – 1840). Bên cạnh đó còn có nghiên cứu của tác giả Nguyễn Đình Cơ và cộng sự [6] trình bày những hoạt động cũng như một số chính sách bảo vệ chủ quyền và giữ vững an ninh tại vùng biển Nam Kỳ¹ của vua Minh Mạng. Tác giả Trần Thị Mai [7] cũng đề cập quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền ở vùng biển Tây Nam Bộ trong giai đoạn từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX. Trong các mảng nội dung về hoạt động bảo vệ chủ quyền, tác giả Lưu Hồng Sơn [8] tập trung vào các hoạt động phòng chống cướp biển trên vùng biển Nam Bộ của nhà Nguyễn trong nửa đầu thế kỷ XIX. Trong khi đó, tác giả Bùi Gia Khánh [9] tập trung vào phân tích tổ chức lực lượng, trang bị tàu thuyền và công tác tuần tra kiểm soát vùng biển, đảo dưới thời Gia Long và Minh Mạng.

Những công trình nghiên cứu trên đã nêu được các hoạt động bảo vệ chủ quyền biển, đảo Nam Kỳ như hoạt động tuần tra, kiểm soát, cứu nạn, phòng chống cướp biển. Tuy nhiên, về phạm vi thời gian, các công trình nghiên cứu chủ yếu trình bày trong giai đoạn trị vì của vua Gia Long và Minh Mạng hoặc cuốn chiếu từ các đời chúa Nguyễn đến buổi đầu của vương triều Nguyễn. Ngoài ra, về phạm vi nội dung, các nghiên cứu này cũng chưa phân tích các nhân tố tác động đến hoạt động bảo vệ chủ quyền biển, đảo Nam Kỳ và vai trò của hoạt động cứu nạn trong quan hệ ngoại giao giữa Đại Nam với các nước trong khu vực. Kế thừa kết quả nghiên cứu từ những công trình trước đó, thông qua các nguồn tài liệu lưu trữ, bài báo này phân tích các nhân tố tác động, từ đó tiếp tục làm rõ những hoạt động bảo vệ chủ quyền biển, đảo Nam Kỳ dưới thời vua Minh Mạng (1820 – 1841).

2. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành bài viết này, nhóm tác giả sử dụng hai phương pháp nghiên cứu chính là phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Trong đó, phương pháp lịch sử được sử dụng để khái quát bối cảnh lịch sử của khu vực Đông Nam Á và nước Đại Nam, cũng như các hoạt động bảo vệ chủ quyền biển, đảo Nam Kỳ vào đầu thế kỷ XIX theo trình tự thời gian. Còn phương pháp logic được dùng để phân tích, đánh giá các nhân tố tác động cũng như hoạt động bảo vệ chủ quyền biển, đảo Nam Kỳ dưới thời vua Minh Mạng (1820 – 1841).

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Các nhân tố tác động đến hoạt động bảo vệ chủ quyền biển, đảo Nam Kỳ dưới thời vua Minh Mạng (1820 - 1841)

Vào nửa đầu thế kỷ XIX, khu vực Đông Nam Á có nhiều biến động, đe dọa đến an ninh, chủ quyền lãnh thổ Đại Nam, trong đó biển, đảo Nam Kỳ, có vị trí chiến lược đối với triều Nguyễn cả về kinh tế, quốc phòng – an ninh, chịu ảnh hưởng từ bối cảnh trên. Do vậy, việc phân tích các nhân tố tác động đến hoạt động bảo vệ chủ quyền biển, đảo Nam Kỳ sẽ góp phần làm rõ các cơ sở cho chủ trương củng cố và đẩy mạnh công cuộc bảo vệ chủ quyền biển, đảo Nam Kỳ dưới thời vua Minh Mạng. Các nhân tố tiêu biểu bao gồm:

Một là, vị trí chiến lược và tiềm năng phát triển của vùng đất Nam Kỳ của Đại Nam.

¹ Năm 1832, vua Minh Mạng đặt tên gọi vùng đất Nam Kỳ, chia đặt đơn vị hành chính gồm 6 tỉnh: Phiên An (năm 1833 đổi tên thành Gia Định), Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang và Hà Tiên. Do vậy, những vùng biển thuộc địa phận các tỉnh Nam Kỳ, từ tỉnh Biên Hòa đến Hà Tiên, gọi chung là vùng biển Nam Kỳ.

Việc giáp Biên Đông ở cả hai mặt Đông và Đông Nam nên Nam Kỳ có vị trí địa lý mang tính chiến lược về kinh tế vì nằm trên con đường mậu dịch biển kết nối phương Tây với phương Đông. Do vậy, vào thời kỳ Nam Kỳ thuộc phân lãnh thổ của Phù Nam, vương quốc cổ này đã kiểm soát con đường giao thương huyết mạch từ Ấn Độ sang Đông Nam Á qua eo Kra đến thương cảng Óc Eo. Từ đó góp phần đưa Phù Nam trở thành đế chế mạnh về thương mại biển ngay từ buổi đầu công nguyên.

Cùng với vị trí thuận lợi giáp biển, Nam Kỳ còn là vùng đất bằng phẳng, khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều với nguồn nước ngọt dồi dào và đất phù sa màu mỡ vì được bồi đắp bởi phù sa của nhiều dòng sông lớn, nổi bật là hệ thống sông Cửu Long và sông Đồng Nai. Do vậy, từ cuối thế kỷ XVII, khi Nam Kỳ dần trở thành một bộ phận của Đàng Trong, chính quyền các chúa Nguyễn và sau đó là vương triều Nguyễn đã tích cực thúc đẩy công cuộc khai phá đất đai và biến nơi này thành một vùng sản xuất nông nghiệp trù phú. Các sản phẩm nông nghiệp không chỉ cung cấp hàng hóa nông sản cho Đại Nam mà còn buôn bán với các quốc gia khác trong khu vực như Chân Lạp, Xiêm La, các quốc gia hải đảo ở Đông Nam Á, Trung Quốc, v.v. Những ưu thế này giúp Nam Kỳ trở thành một trung tâm trao đổi, buôn bán các sản phẩm nông nghiệp.

Ngoài ra, Nam Kỳ còn giáp với Chân Lạp ở phía Tây nên vùng đất này không chỉ đóng vai trò là tuyến phòng thủ bảo vệ lãnh thổ Đại Nam từ phía Nam mà còn giúp triều Nguyễn duy trì quyền kiểm soát, mở rộng ảnh hưởng và củng cố chủ quyền quốc gia.

Hai là, áp lực xâm lược của thực dân phương Tây ở khu vực Đông Nam Á.

Sự kiện thực dân Bồ Đào Nha tấn công Malacca vào năm 1511 đã mở đầu cho quá trình xâm lược của các nước thực dân phương Tây ở Đông Nam Á. Bản thân Đại Nam trong quá khứ cũng không tránh khỏi nguy cơ đó, tiêu biểu là các sự kiện năm 1644, Hà Lan đậu thuyền ngoài biển, cướp bóc lái buôn [10, tr. 55-56]; năm 1702, thực dân Anh chiếm đảo Côn Lôn, kết lập trại sách, bốn mặt đều đặt đại bác [10, tr.115].

Đến đầu thế kỷ XIX, các nước thực dân càng tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động xâm lược thuộc địa ở Đông Nam Á. Nổi bật là thực dân Anh với các chiến dịch đánh chiếm những quốc gia ở vùng biển phía Nam của Đại Nam như Malacca vào năm 1807, mở rộng và xâm lược bán đảo Malaya (Malaysia) từ năm 1819. Tiếp theo đó, từ năm 1824, Anh mở rộng xâm lược Miến Điện (Myanmar). Cũng chính trong thời gian này, thực dân Pháp cũng đang có nhu cầu mở rộng thuộc địa ở khu vực Đông Nam Á, trong đó có Đại Nam.

Dưới thời trị vì của vua Gia Long (1802 - 1820), do những giúp đỡ của Pierre Pigneau de Behaine (Bá Đa Lộc) và cộng sự của ông trong việc chống lại quân Tây Sơn vào cuối thế kỷ XVIII nên giữa triều đình Huế với những người Pháp này có mối quan hệ tốt đẹp với nhau. Tuy nhiên, về sau nhận thấy tình hình khu vực cũng như âm mưu xâm lược của thực dân Pháp, mối quan hệ này “lạnh nhạt” dần và đến thời kỳ của vua Minh Mạng thì chấm dứt. Trong những khu vực thuộc chủ quyền của nước Đại Nam lúc bấy giờ, biển đảo là cửa ngõ rất dễ bị các nước thực dân phương Tây tấn công nên vấn đề tăng cường bảo vệ chủ quyền trên các vùng biển của Đại Nam dưới thời vua Minh Mạng, trong đó có biển, đảo Nam Kỳ được đặt lên hàng đầu.

Ba là, sự rạn nứt trong mối quan hệ Việt - Xiêm dưới thời vua Minh Mạng (1820 - 1841).

Trong những năm cuối thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX, ở Đông Nam Á lục địa chứng kiến sự lớn mạnh của vương quốc Xiêm với các hoạt động mở rộng ảnh hưởng trong khu vực. Tuy nhiên, do bị Miến Điện cản trở ở phía Tây nên hướng bành trướng chủ yếu của Xiêm là các quốc gia ở khu vực phía Đông, bao gồm các tiểu vương quốc Lào và Chân Lạp, đồng thời cũng chú ý đến vùng đất Nam Kỳ của Đại Nam thời nhà Nguyễn. Vì vậy, xung đột giữa Xiêm La với Đại Nam lúc bấy giờ là không tránh khỏi vì Lào và Chân Lạp đều có mối quan hệ triều cống với nhà Nguyễn. Trong khi đó, nhiều lần Xiêm có hành động tấn công và biến những quốc gia này thành “thuộc quốc” của mình.

Từ năm 1824, khi Miến Điện liên tiếp thất bại trong cuộc chiến tranh chống lại sự xâm lược của thực dân Anh (1824 – 1826), Xiêm lợi dụng cơ hội này để tấn công và xâm chiếm một số lãnh thổ chư hầu của Miến Điện ở bán đảo Mã Lai (Malaysia ngày nay). Đồng thời, vua Rama III

(1824 – 1851) cũng tiếp tục những hành động nhằm củng cố và mở rộng ảnh hưởng của mình về phía Đông với mục tiêu loại Đại Nam ra khỏi ảnh hưởng tại Lào và Chân Lạp.

Vào năm 1827, vua Vạn Tượng là Châu A Nỗ nổi dậy chống lại Xiêm bị thất bại và sang cầu cứu viện binh nhà Nguyễn. Vua Minh Mạng ban đầu không có hành động cử binh cứu viện nhưng sau đó thấy rằng nếu Xiêm chiếm Vạn Tượng sẽ ảnh hưởng đến biên cương Tây bắc của Đại Nam, nên đã cho Phan Văn Điển mang thư sang trách nước Xiêm vì đem quân sang chiếm Vạn Tượng, mặt khác đưa quân sang Lào. Xiêm muốn cho sự việc yên ổn nên đã rút quân về nước và bề ngoài vẫn bang giao với Đại Nam để giữ tình hòa hiếu [11, tr.240].

Từ sau xung đột Việt – Xiêm tại nước Vạn Tượng, vua Rama III càng củng cố quyết tâm giành lại vị thế của Xiêm tại Chân Lạp. Năm 1833, vua Minh Mạng lệnh cho quân đánh dẹp cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi, do cùng đường nên Lê Văn Khôi sang cầu viện vua Rama III. Chớp thời cơ này, quân Xiêm “chia quân thủy bộ vào cướp, chiếm cứ Chân Lạp, Hà Tiên, Châu Đốc các nơi, cướp bóc của cải, đồ vật, để hại đến sinh linh” [12, tr.28].

Bốn là, sự cướp phá của cướp biển Chà Và ở vùng biển phía Nam.

Vùng biển của Việt Nam thời kỳ chúa Nguyễn và sau này là vương triều Nguyễn thường xuyên đối mặt với nạn cướp phá của nhiều lực lượng cướp biển có nguồn gốc từ bên ngoài như Trung Quốc, Nhật Bản, các nước phương Tây, các nước Đông Nam Á hải đảo, v.v. Riêng đối với vùng biển phía Nam, theo các ghi chép của nhà Nguyễn, quân và dân Đại Nam thường xuyên đối phó với nạn cướp phá của cướp biển Chà Và.

Cướp biển Chà Và, còn có tên gọi khác là Đồ Bà, phiên âm Hán - Việt của cùng một từ là Java. Tuy nhiên, đây không phải là đảo Java của Indonesia mà là tên gọi để chỉ chung những người hành nghề cướp biển ở phía nam Đại Nam có nguồn gốc từ Indonesia, Malaysia, Ấn Độ ngày nay. Trong thời kỳ trị vì của vua Gia Long (1802 – 1820) và vua Minh Mạng (1820 – 1841), cướp biển Chà Và tiến hành cướp phá và xâm lấn đối với những vùng lãnh thổ của Đại Nam vốn đã được chúa Nguyễn xác lập chủ quyền từ trước, trong đó chủ yếu là ở hải phận các tỉnh Hà Tiên, Vĩnh Long, Biên An (Gia Định), Định Tường, v.v. với tần suất liên tục vào các năm 1822, 1823, 1825, 1828, 1830, 1832, 1834 và 1837.

Trên mặt biển, cướp biển Chà Và đã cướp bóc thuyền buôn, bắt người, đốt nhà, cướp của [13, tr.86, 384]. Không chỉ cướp phá trên mặt biển, nhóm cướp biển này còn xâm nhập vào các đảo ở Nam Kỳ, tiêu biểu là các sự kiện năm 1830, cướp biển Chà Và đã trộm nổi ở Hòn Rái thuộc Hà Tiên, đem đồ dâng lên bờ đóng trại đặt súng. Năm 1832, cướp biển Chà Và ra đảo Côn Lôn thuộc Biên An, đón cướp các thuyền buôn, lại lên bờ đốt nhà, cướp của [13, tr. 95, 384]. Những hành động này đã đe dọa trực tiếp đến đời sống nhân dân và ảnh hưởng đến an ninh tại vùng đất Nam Kỳ của Việt Nam trong những năm đầu của vương triều Nguyễn.

Tóm lại, vùng đất Nam Kỳ có ý nghĩa chiến lược về mặt kinh tế và an ninh quốc phòng của Đại Nam. Nơi đây sớm trở thành đối tượng “dòm ngó” của các nước thực dân phương Tây, vương quốc Xiêm La và những nhóm cướp biển Chà Và có nguồn gốc từ vùng biển phía Nam. Vì vậy, việc vua Minh Mạng và triều Nguyễn thực hiện các hoạt động bảo vệ chủ quyền biển, đảo Nam Kỳ là quan trọng không chỉ phục vụ cho vấn đề phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội mà còn góp phần bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ của Đại Nam trong nửa đầu thế kỷ XIX.

3.2. Hoạt động bảo vệ chủ quyền biển, đảo Nam Kỳ dưới thời vua Minh Mạng (1820 - 1841)

Trong bối cảnh các quốc gia phương Tây gia tăng hiện diện và can thiệp sâu vào khu vực Đông Nam Á, quan hệ giữa Đại Nam và Xiêm La chuyển biến căng thẳng với nhiều xung đột chính trị, quân sự, trong khi nạn cướp biển Chà Và quấy phá, cướp bóc có xu hướng gia tăng. Triều Nguyễn dưới sự trị vì của vua Minh Mạng đã chủ động triển khai nhiều biện pháp cụ thể nhằm bảo vệ chủ quyền biển, đảo Nam Kỳ một cách toàn diện, thể hiện qua các hoạt động sau:

Thứ nhất, cứu nạn tàu thuyền

Vào đầu thế kỷ XIX, triều Nguyễn đã ban hành chính sách cứu nạn đối với người và tàu thuyền gặp nạn trên biển. Chính sách này được triển khai nhằm hỗ trợ toàn diện, bao gồm cung

cấp tài chính, lương thực, giúp sửa chữa tàu thuyền, hỗ trợ hồi hương và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động giao thương.

Từ thập niên 20 của thế kỷ XIX, mặc dù quan hệ Đại Nam – Xiêm La chuyển từ sự giao hảo sang đối đầu phức tạp trên cả đất liền và trên biển nhưng vua Minh Mạng vẫn chú ý công tác cứu nạn tàu thuyền người Xiêm khi gặp nạn ở biển Nam Kỳ. Vua Minh Mạng đã dụ cho Bộ Lễ rằng: “Ta đối với nước Xiêm vốn giữ tình hữu nghị. Tuy gần đây có nghe điều không được nhã, nhưng việc chưa rõ, mà việc cứu giúp kẻ bị nạn, quốc thể phải nên thế” [13, tr.785].

Năm 1828, thuyền sứ thần nước Xiêm La vượt biển sang triều cống nhà Thanh. Ở hải phận Bình Thuận, thuyền chánh sứ bị bão mắc cạn, thuyền phó cũng bị chìm ở hải phận Hà Tiên. Nhận được tin, vua Minh Mạng liền lệnh cho quan trấn thủ Hà Tiên mời họ đến công quán, tiếp đãi cho chu đáo, sau đó cho Mạc Hân - Chánh đội trưởng dùng thuyền công hộ tổng về nước. Tương tự, năm 1832, thuyền công cán của nước Xiêm lại gặp gió, dạt vào tán Kim Dữ, triều Nguyễn đã nhanh chóng lệnh cho tỉnh thần Hà Tiên cấp gạo, tiền và đưa người bị nạn trở về nước an toàn. Với mỗi lần cứu giúp thuyền bè Xiêm gặp nạn, triều Nguyễn đều cử người đưa các nạn nhân về nước an toàn. Ngoài mục đích hỗ trợ, cứu giúp cho người bị nạn một cách tối đa nhất, việc cử người hỗ trợ người Xiêm về nước cũng nằm trong tính toán của những người đứng đầu nhà Nguyễn. Vua Minh Mạng cho rằng:

“Hoàng khảo ta lại nghĩ tâm lòng tốt buổi đầu của người Xiêm, họ lại là láng giềng, nên từ trước đến giờ vẫn cho giao hiếu. Trẫm noi theo phép cũ, há lại nghe lời nói ngoài mà tự mình tức bỏ nghĩa láng giềng. Nếu ngày khác, nước Xiêm mưu điều không tốt, mà gây hấn ở ngoài biển, thì đã có lẽ phải trái, bên nào phải thì khoẻ, trời sẽ giúp cho mà việc làm một nửa thu công gấp đôi. Nay tự trẫm xem ra thì quyết không có lẽ bỏ giao hiếu gây hiểm thù để nhọc quân lính” [13, tr. 325].

Điều này cho thấy hoạt động cứu nạn đối với người Xiêm không chỉ là nỗ lực nhân đạo mà còn phản ánh chủ trương ngoại giao khéo léo của các vị vua nhà Nguyễn trong việc giảm thiểu căng thẳng giữa hai nước. Ở một góc độ chiến lược, đây cũng là biện pháp giúp triều đình kiểm soát chặt chẽ tình trạng người Xiêm xuất nhập cảnh tại Nam Kỳ, ngăn chặn nguy cơ chính quyền Xiêm lấy cớ bỏ rơi nạn nhân để điều động thủy quân gây hấn trên biển. Đồng thời, việc hỗ trợ kịp thời cũng giúp hạn chế khả năng những người gặp nạn rơi vào cảnh khốn cùng và trở thành cướp biển, đe dọa an ninh vùng biển và hoạt động thương mại ở vùng biển Nam Kỳ.

Ngoài chú ý đến việc cứu nạn tàu thuyền người Xiêm, dưới triều vua Minh Mạng còn giúp đỡ những tàu thuyền bị nạn của những người đến từ phía nam quần đảo Java. Mặc dù vùng biển phía Nam hay bị cướp biển Chà Và cướp phá, nhưng không vì vậy mà triều Nguyễn có sự đối xử khó khăn hoặc làm gán tội cho họ. Cho nên vua Minh Mạng đã xử trí rất nhân văn khi nghe báo cáo về thuyền buôn người Chà Và gặp nạn ở biển Hà Tiên.

Có thuyền buôn nước Chà Và bị gió trôi dạt đến. Bộ biển là Trần Công Chiếu đuổi bắt, nhóm thương nhân thả neo và tỏ ý khuất phục. Chiếu cho là cướp biển nên cho dân binh chia lấy của cải và khai bẫy là bắt được giặc. Quan đứng đầu tỉnh hỏi biết được sự việc, đem việc ấy tâu lên triều đình. Vì vậy, Chiếu bị xử tội đồ. Vua lại nghĩ: “bọn thuyền buôn dù là người ngoại quốc mà bị nạn trên biển nên cũng thương. Cho quan tỉnh ấy thiết đãi một bữa thịnh soạn, cho thêm 100 quan tiền, 50 phương gạo và trả lại cả đồ vật, binh khí, cho họ đi về nước” [14, tr. 681].

Có thể thấy, đây là một cách xử lý có tính chiến lược của vua Minh Mạng. Việc cứu nạn tàu thuyền các nước gặp thiên tai trên biển không chỉ đơn thuần là việc giúp đỡ tàu thuyền lúc gặp khó khăn, được đưa về nước an toàn mà còn là biện pháp phòng thủ, đảm bảo an ninh biên đảo hiệu quả mà không cần phải huy động quá nhiều lực lượng thực thi. Đồng thời cũng xây dựng được mối quan hệ giao hảo với các nước láng giềng, góp phần làm giảm thiểu những xung đột có thể xảy ra trên biển. Như vậy, trước những biến động của vùng biển Nam Kỳ, vua Minh Mạng đã thực hiện tốt tinh thần cứu trợ, đảm bảo an ninh và chủ quyền quốc gia trên biển.

Thứ hai, hoạt động tuần tra, kiểm soát trên biển

Vào đầu thế kỷ XIX, trước những biến động ảnh hưởng đến chủ quyền quốc gia trên biển, vua Minh Mạng đã có ý thức duy trì các hoạt động tuần tra, kiểm soát trên biển, đảo Nam Kỳ. Hoạt

động này không chỉ khẳng định và thực thi chủ quyền quốc gia mà còn góp phần phòng ngừa, trấn áp cướp biển, đảm bảo an ninh vùng biển. Đồng thời, đây cũng là cơ hội để lực lượng thủy quân rèn luyện và nâng cao các kỹ năng cần thiết trong công tác tuần tra, kiểm soát. Vì vậy, vua Minh Mạng đã nhấn mạnh đến những lợi ích của công tác tuần tra ven biển: “Đi tuần phòng ven bể, một là để thao luyện cách lái thuyền cho quen thiện dòng nước, một là để tập đánh dưới nước, biết rõ đường bể, khiến cho bọn giặc bể nghe tin không dám gây sự. Thế có phải là một việc mà được ba điều lợi không” [12, tr.136, 137].

Ở Nam Kỳ, khi mới lên ngôi vua Minh Mạng (1820) đã quan tâm ngay đến việc tuần phòng tại Phú Quốc, nhà vua liền ban dụ cho thủ ngự Phú Quốc về việc tuần phòng cướp biển như sau: “Cho dân các ấp ở sở ấy, quy lập làm 10 đội, mỗi đội đều bỏ của riêng, đóng một chiếc thuyền vượt biển hạng lớn, sà ngang hạn từ 11 thước trở lên và hai chiếc hạng nhỏ. Nhà nước cấp cho khí giới để qua lại tuần phòng giặc biển” [15, tr.424]. Năm 1822, nhân thời tiết gió Nam, cướp biển Chà Và thường lén lút ra vào mặt biển ở tỉnh Hà Tiên quấy phá trên đảo, tổ chức cướp thuyền buôn qua lại, vua Minh Mạng liền lệnh cho Tổng trấn Gia Định phái 1 viên chánh phó Vệ úy hoặc quản cơ làm việc giới, cấp thêm cho từ 100 đến 200 tên biên binh của Gia Định, tàu thuyền, súng ống, khí giới đầy đủ theo viên ấy được phái đến hải phận Hà Tiên để tuần tra dẹp cướp biển [15, tr.424].

Để đảm công tác tuần tra, kiểm soát thực hiện đúng nhiệm vụ đã đề ra, vua Minh Mạng đã có quy định rõ về thời gian thực hiện tuần phòng và thường xuyên thay đổi với điều kiện thời tiết của các tỉnh duyên hải ở Nam Kỳ. Chẳng hạn năm 1836, vua Minh Mạng quy định: “Riêng các tỉnh từ Gia Định đến Hà Tiên thì tháng 4, phái đi, tháng 10 rút về, lấy làm lệ thường hàng năm” [15, tr.429]. Binh thuyền phái đi phải luân phiên có sự thay đổi ba tháng một lần, đảm bảo sức khỏe cho người lính thủy quân thực hiện tuần phòng, tránh việc phải đi lâu ngày. Tuy nhiên, đến năm 1839, nhận thấy điều kiện thời tiết không thuận tiện cho việc tuần tra, vua Minh Mạng lại đặt lại thời gian tuần tra, ban dụ rằng: “Tháng 10 vào mùa đông, thời tiết đã muộn, nếu quan binh đi tuần phòng còn ở ngoài biển là không tiện. Vậy cho định lại hàng năm tháng 9, thì những thuyền binh trước phái đi tuần biển điều cho rút về hàng ngũ ở tỉnh” [15, tr.434].

Việc thực hiện tuần phòng không được vượt qua hải phận của nước khác, nếu gây ra sự việc, thì “át xét theo quân pháp mà trị tội” [15, tr.427]. Ngoài ra, triều đình còn lệnh cho các địa phương ven biển ra sức tuần phòng ở nơi hải đảo. Ở những tỉnh có nhiều đảo, vị trí hiểm yếu và thường xuyên gặp phải cướp biển thì công tác tuần phòng được nhà nước chú trọng. Năm Minh Mạng thứ 18 (1837), vua nghĩ ở tỉnh Hà Tiên có nhiều đảo lớn nhỏ, thuyền giặc Chà Và thường đến đây để trộm cướp, liền sai quan tỉnh thống kê số lượng các đảo, vị trí xa gần so với đất liền và vẽ hình dáng của các đảo. Đồng thời xem xét việc bố trí lực lượng canh tuần phòng đón phục và tâu báo lên triều đình [2, tr.152].

Thuyền đi tuần biển được triều đình trang bị khá chu đáo súng ống, gươm, dao, lương thực đi biển, v.v. Điều này được thể hiện rõ qua lệnh dụ của vua Minh Mạng vào năm 1834: “Hải đội Tuần hải nhất, Tuần hải nhị của Biên Hòa, sắm cấp cho áo trận và nón dẫu, hàng tháng cấp tiền gạo, chia ngôi các tàu thuyền, theo viên tẩn thủ, noi theo hải đi tuần thám” [15, tr.425]. Ngoài ra, để việc ngắm nhìn trên biển khi tuần tra đạt độ chính xác cao, năm 1829, triều đình cấp kính thiên lý cho các tỉnh ven biển, đồn bảo và thuyền tuần tiễu, vì “vùng biển mênh mông, chỉ có kính thiên lý mới có thể trông xa được” [15, tr.247]. Bên cạnh sự trang bị từ triều đình, vua Minh Mạng còn huy động sức dân ở những địa phương có hải phận tham gia vào công việc sửa chữa tàu thuyền và tuần phòng trên biển. Triều đình lệnh cho Tổng đốc, Tuần phủ, bố chánh, Án sát ở các địa phương ven biển, xem xét tình hình điều sức cho dân đem thuyền đánh cá nhanh chóng sửa chữa, để tàu thuyền di chuyển cho nhanh. Nơi nào dân nhiều thì làm 3 chiếc, dân số ít thì làm 2 chiếc. Mỗi chiếc có thể ngồi được trên, dưới 20 người. Chi phí sửa chữa sẽ do triều đình cấp lại [15, tr. 426, 427].

Vào năm 1835, để nâng cao hiệu quả tuần tra, vua Minh Mạng đã ban hành quy định về chiến thuật tác chiến của tàu thuyền tuần tiễu trong trường hợp gặp cướp biển: thuyền của cướp biển thường là loại nhẹ, di chuyển nhanh và khả năng cơ động linh hoạt. Khi giao chiến, nếu ở khoảng

cách xa, cần sử dụng đại bác nhắm vào mái chèo và bánh lái của thuyền giặc để phá hủy khả năng di chuyển. Khi tiếp cận gần, nên dùng câu liêm để cắt đứt dây buộc lái, khiến thuyền mất kiểm soát và không thể tiếp tục di chuyển, tạo điều kiện thuận lợi để bắt giữ. Do đó, lệnh được ban hành cho các địa phương ven biển từ Bắc vào Nam, yêu cầu tất cả các thuyền tuần tra của thủy quân khi tác chiến trên biển phải tuân thủ chiến thuật này [2, tr.153].

Năm 1836, để thuận tiện cho việc liên lạc giữa các thuyền khi tuần tiễu, vua Minh Mạng ra quy định về tín hiệu liên lạc như sau: trên mỗi thuyền ô đều có lồng đèn ghi rõ tên đồn biển bằng hai chữ lớn. Vào ban đêm, lồng đèn được treo lên để làm tín hiệu nhận diện. Khi tuần tra trong hải phận của đồn, nếu phát hiện cướp biển hoặc thuyền có dấu hiệu bất thường cần vây bắt, sẽ sử dụng tín hiệu cảnh báo. Nếu là ban ngày thì sẽ bắn ba phát đại bác. Còn ban đêm thì đốt năm quả pháo thăng thiên. Ngay khi nhận được tín hiệu, các thuyền ô lập tức tiến hành truy bắt [2, tr.428].

Bên cạnh những quy định thực hiện nhiệm vụ tuần phòng, kiểm soát vùng biển, triều Nguyễn còn quy định về chế độ thưởng, phạt khi thực hiện công tác này nhằm khuyến khích thuyền tuần tiễu bắt được cướp biển. Đối với những trường hợp bắt được thuyền giặc thì sẽ được thưởng như sau: “Nếu bắt được thuyền hạng lớn, thì mỗi chiếc thưởng 1000 quan tiền, hạng nhỏ mỗi chiếc được thưởng 500 quan tiền, bắt sống được 1 đứa thì thưởng 30 quan tiền, chém được 1 cái đầu thì thưởng 20 quan tiền” [15, tr.434]. Năm 1834, nhân việc tuần phòng ở Hà Tiên có hiệu quả, vua Minh Mạng đã lập tức khen thưởng hậu hĩnh cấp ngay áo quần và 300 quan tiền cho lính cơ Hà Phú ở Hà Tiên [16, tr.898]. Còn đối với các trường hợp nếu tuần phòng bất lực, để cho cướp biển nổi lên ở hải phận nào, thì phải đem bộ biển tấn thủ và viên quan đứng đầu tỉnh đưa đi xử tội. Nếu thuyền ở Kinh thành được phái đi tuần phòng ở các hải phận, thì các viên quân vệ và suất đội do kinh phái đi không làm tròn nhiệm vụ cũng đều bị xử tội cả [15, tr.429, 430].

Thứ ba, hoạt động tiêu diệt cướp biển

Khi cướp biển Chà Và tấn công hải phận của nước Đại Nam, quan quân triều Nguyễn ngay tại địa phương đã có hành động để chống lại nạn cướp phá của cướp biển. Đại Nam thực lục ghi nhận các đội, cơ thuộc lực lượng thủy quân tại chỗ tham gia chiến đấu, đó là các năm 1828, Nguyễn Văn Xương - cai đội Phú cường thuộc sở Phú Quốc, đem binh dân đuổi đánh, giết chết cướp biển [10, tr.780]. Năm 1830, Nguyễn Văn Nghi - Phó quản cơ cơ Vĩnh Bảo hậu cùng với Mạc Hầu Hy - Chánh đội trưởng cơ Hà Tiên cùng tham gia diệt cướp biển [12, tr.95]. Năm 1834, Nguyễn Văn Hiếu - quyền Quản cơ Hà Phú đem binh đi tuần tiễu, đánh nhau với cướp biển [16, tr.371]. Bên cạnh đó, các năm 1823, 1825, khi cướp biển Chà Và tấn công đảo Hòn Rái (Hà Tiên) thì hai đội An Hải và Thanh Châu, vốn là các lực lượng được thành lập trong dân, đem quân đánh, bắt và chém được một số cướp biển [13, tr.298, 465].

Tuy nhiên, quân và dân ở Nam Kỳ cũng gặp khó khăn trong những lần đối đầu với cướp biển Chà Và vào các năm 1830, 1834. Lúc này, vua Minh Mạng đã kịp thời trấn an lòng quân bằng việc ra các chỉ dụ quở trách, nghiêm trị những hành động hèn nhát của các tướng lĩnh, đồng thời biểu dương và khuyến khích những quan binh dũng cảm. Vua cũng treo thưởng cho những người nào tham gia đánh cướp biển, không phân biệt là dân hay binh lính. Chẳng hạn trong sự kiện cướp biển Chà Và tấn công năm 1830, “ai bắt được một tên giặc thì thưởng 6 lạng bạc, chém được một đầu giặc thì thưởng 3 lạng bạc, bắt sống một tên đầu mục thì thưởng 10 lạng bạc, chém được một đầu thì thưởng 5 lạng bạc” [12, tr.95]. Ngoài ra, Vua cũng kịp thời chỉ dụ các địa phương khác đến hỗ trợ, chẳng hạn năm 1832, cướp biển tấn công Vĩnh Long, vua Minh Mạng sai Phạm Hữu Tâm - Trấn thủ Biên Hòa và Trần Hữu Thăng - Trấn thủ Phiên An, đem binh thuyền đến chống cướp biển [12, tr.384].

Sau khi giành thắng lợi, vua Minh Mạng đã có nhiều hình thức khen thưởng công trạng để nhằm khích lệ, động viên tinh thần chiến đấu của quân, dân Nam Kỳ trong cuộc chiến chống lại cướp biển. Đối với các vị quan, tướng lĩnh có công ở Nam Kỳ, hình thức chủ yếu là phong chức, thưởng tiền hoặc hiện vật (áo nhung bông, quần nhiều điều trơn, áo mở bụng bằng trầu trơn, áo ngắn bằng vải tây, quần trầu màu đỏ, v.v.) [14, tr.106]. Đối với dân binh thì chủ yếu là thưởng tiền (ít nhiều phụ thuộc vào số lượng giặc bị bắt hoặc bị giết).

Bên cạnh đó, còn có các hình thức xử phạt nghiêm minh đối với quan quân không hoàn thành nhiệm vụ, từ nghiêm quở, giáng cấp đến cách chức cho làm lính tráng hoặc xử chém đầu theo quân luật. Chẳng hạn, năm 1822, cướp biển Chà Và cướp bóc người buôn ở biển Hà Tiên, binh lính nhiều lần truy bắt nhưng ít khi bắt được. Trong đó, Ngô Văn Đức - đội trưởng đội Phú Cường nghe có cướp biển chiếm đóng trên đảo Phú Quốc đã lấy cờ bệnh mà thoái thác, để Nguyễn Văn Sương đi tuần bắt một mình. Sau khi sự việc được trình báo lên triều đình, vua Minh Mạng đã nghiêm khắc trừng trị: “Ngô Văn Đức dùng dằng rụt sợ phải chém để nêu gương” [17, tr.76]. Đối với cướp biển Chà Và, vua Minh Mạng cũng có hình thức xử tội nghiêm khắc, “những tên giặc bắt được đều giết cả, bêu đầu ở hòn đảo ven biển, trong đám giặc ấy có 3 đứa chưa đến tuổi, sai chặt năm ngón tay bên phải, giao cho thuyền buôn đem đến các bến buôn bán” [14, tr.106]. Các hình thức này khiến cho cướp biển hạn chế các hành động xâm phạm chủ quyền lãnh thổ ở Nam Kỳ của Đại Nam.

Tóm lại, trước những biến động tại biển, đảo Nam Kỳ vào đầu thế kỷ XIX, vua Minh Mạng và triều Nguyễn đã triển khai nhiều biện pháp để bảo vệ chủ quyền biển, đảo như là thực hiện các hoạt động cứu nạn đối với tàu thuyền Xiêm và các nước khác gặp nạn; tổ chức tuần phòng và kiểm soát, trấn áp cướp biển... Những chính sách này không chỉ góp phần đảm bảo an ninh vùng biển mà còn bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Nam Kỳ dưới triều vua Minh Mạng.

4. Kết luận

Trong nửa đầu thế kỷ XIX, vùng đất Nam Kỳ với vị trí chiến lược và tiềm năng phát triển đã trở thành đối tượng “dòm ngó” của các thế lực ngoại bang như thực dân phương Tây, vương quốc Xiêm La và các nhóm cướp biển Chà Và có nguồn gốc từ vùng biển phía nam Biên Đông. Do vậy, việc tiến hành các hoạt động bảo vệ chủ quyền tại biển, đảo Nam Kỳ được vua Minh Mạng đặc biệt quan tâm trong thời kỳ trị vì của mình. Dưới sự lãnh đạo của vua Minh Mạng, triều Nguyễn đã thực hiện các hoạt động cứu nạn đối với tàu thuyền Xiêm và các nước khác gặp nạn; tổ chức tuần phòng và kiểm soát, trấn áp cướp biển, v.v. Những hoạt động này diễn ra thường xuyên, có sự điều chỉnh linh hoạt để phù hợp với tình hình thực tế và được quy định nghiêm ngặt, rõ ràng trong các chỉ, dụ của nhà vua đối với công tác bảo vệ biển, đảo.

Việc thực hiện tốt các hoạt động này không chỉ góp phần đảm bảo an ninh vùng biển mà còn bảo vệ chủ quyền lãnh thổ ở Nam Kỳ dưới triều vua Minh Mạng. Tuy nhiên, hoạt động bảo vệ chủ quyền biển, đảo Nam Kỳ dưới triều vua Minh Mạng vẫn còn tồn tại hạn chế như sự thiếu cảnh giác và tắc trách của một bộ phận quan trấn thủ trong công tác tiêu diệt cướp biển; hoạt động tuần phòng và tiêu diệt cướp biển thiếu vắng sự tham gia của lực lượng thủy quân tại kinh đô; việc trang bị tàu thuyền còn bất cập như thuyền nhỏ, không phù hợp truy đuổi cướp biển trong thời gian dài.

Trong thời kỳ trị vì của vua Minh Mạng, triều Nguyễn đã đạt được một số kết quả đáng kể trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền đối với biển, đảo Nam Kỳ. Dù vẫn còn hạn chế nhưng những nỗ lực của triều Nguyễn trong công tác tuần tra, kiểm soát, cũng như triển khai hoạt động cứu nạn trên biển đã để lại những bài học lịch sử quan trọng, góp phần củng cố nền tảng cho sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] B. Do, *The organization and activities of protecting Vietnam's islands and seas during the Nguyen Dynasty (1802 – 1885)*. Thuan Hoa Publishing House, Hue, 2016.
- [2] B. Do, *The sovereignty of Vietnam's islands and seas in history*. The Culture and Arts Publishing House, Ho Chi Minh City, 2017.
- [3] T. T. Nguyen and Q. T. Nguyen, “Some activities for establishment and protection of island's sovereignty under Nguyen dynasty in the first half of the 19th century,” *Quang Nam University Journal of Science*, no. 11, pp. 113-123, 2022.
- [4] T. H. D. Dinh, “The Management and Exploitation of Maritime and Island Areas by the Nguyen Dynasty (1802 – 1858),” *Vietnam Journal of Social Sciences*, no. 4, pp. 53-62, 2016.

-
- [5] T. H. T. Le, "Some activities to protect and exercise maritime and island sovereignty under the reign of Emperor Minh Mang (1820 – 1840)," *College of Education, Hue University Journal of Science*, vol. 1, no. 53, pp. 119-126, 2020.
- [6] D. C. Nguyen and X. H. Tran, "Policies for protecting maritime and island sovereignty in Nam Ky under the reign of Emperor Minh Mang (1820-1841)," *Military History Review*, no. 4, pp. 71-78, 2023.
- [7] T. M. Tran, "The process of assertion and defense of the sovereignty over the Vietnam's south west waters during the Nguyen lords and Nguyen dynasty (from the 17th to 19th centuries)," *Science & Technology Development Journal*, vol. 16, no. X1, pp. 76-85, 2023.
- [8] H. S. Luu, "The Nguyen Dynasty's Anti – Piracy Activities in the south waters during the first half of the 19th century," *Journal of Social Sciences*, vol. 10, no. 194, pp. 69-82, 2014.
- [9] G. K. Bui, "The Navy during the Gia Long and Minh Mang Reigns and its Role in Patrol and Control of the Sea and Islands," *Research and Development Journal*, vol. 5, no. 82, pp. 36-49, 2010.
- [10] National History of Nguyen dynasty, Institute of History, *Dai Nam Thuc Luc*, vol. 1. Education Publishing House, Ha Noi, 2002.
- [11] N. L. Doan and V. V. Hoang, "Vietnam – Siam Relations in the First Half of the 19th Century," *Can Tho University Journal of Science*, no. 4, pp. 238-244, 2005.
- [12] National History of Nguyen dynasty, Institute of History, *Dai Nam Thuc Luc*, vol. 3. Education Publishing House, Ha Noi, 2007.
- [13] National History of Nguyen dynasty, Institute of History, *Dai Nam Thuc Luc*, vol. 2. Education Publishing House, Ha Noi, 2007.
- [14] National History of Nguyen dynasty, Institute of History, *Dai Nam Thuc Luc*, vol. 5. Education Publishing House, Ha Noi, 2007.
- [15] The Cabinet of Nguyen Dynasty, Institute of History, *Kham Dinh Dai Nam Hoi Dien Su Le*, vol. 5. Thuan Hoa Publishing House, Hue, 2005.
- [16] National History of Nguyen dynasty, Institute of History, *Dai Nam Thuc Luc*, vol. 4. Education Publishing House, Ha Noi, 2007.
- [17] National Archive Center II, *The History of Phu Quoc Through Archival Documents*. National Political Publishing House, Hanoi, 2012.